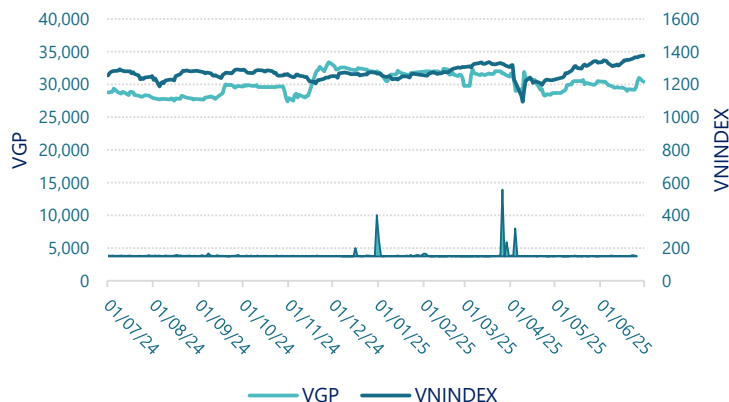




CTCP Cảng Rau Quả (HNX: VGP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,400
SL cổ phiếu LH	7,825,922
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,470
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	238
P/E	13.8
EPS	2,199

DT thuần

Q2/25

2,574

tỷ VNĐ

QoQ: ▼425 | -14.2%

YoY: ▼161 | -5.9%

LN sau thuế

Q2/25

7.34

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.95 | 1782%

YoY: ▲ 0.08 | 1.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.1%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

6T 2025

5,573

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,156 | 26.2%

LN sau thuế

6T 2025

7.73

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.12 | 1.5%

ROE

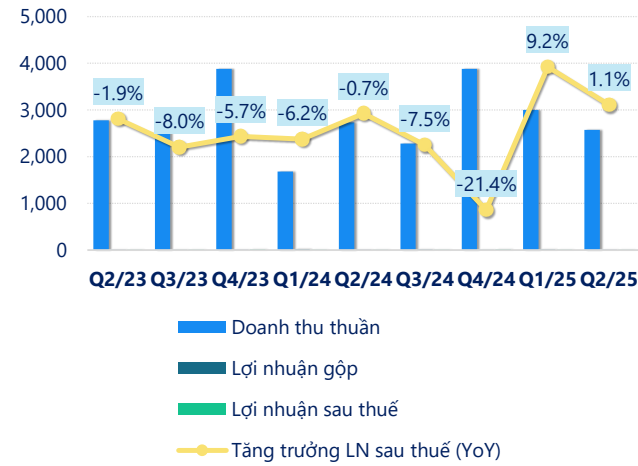
Q2/25

7.3%

+/- YoY: ▼ 1.5%

tỷ VNĐ

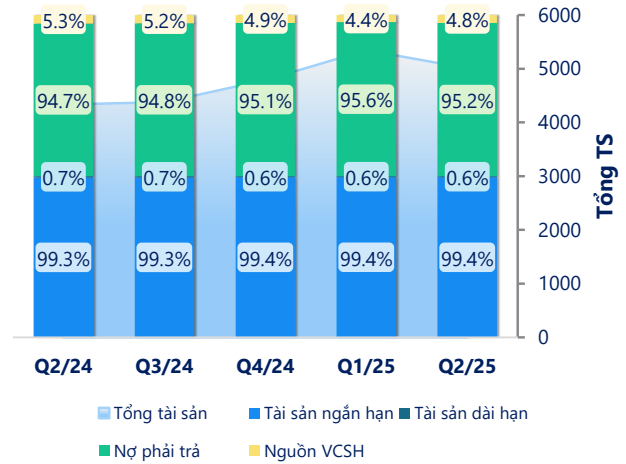
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

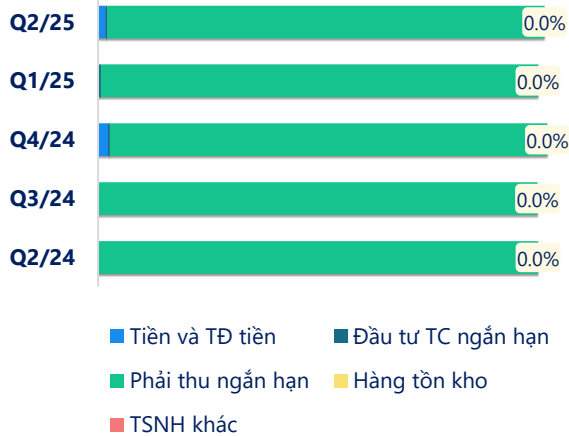
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



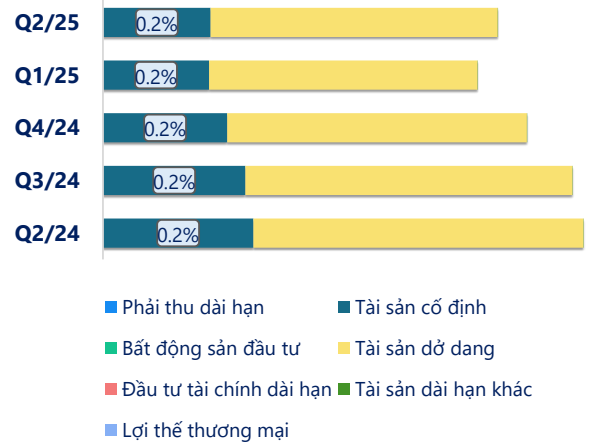
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

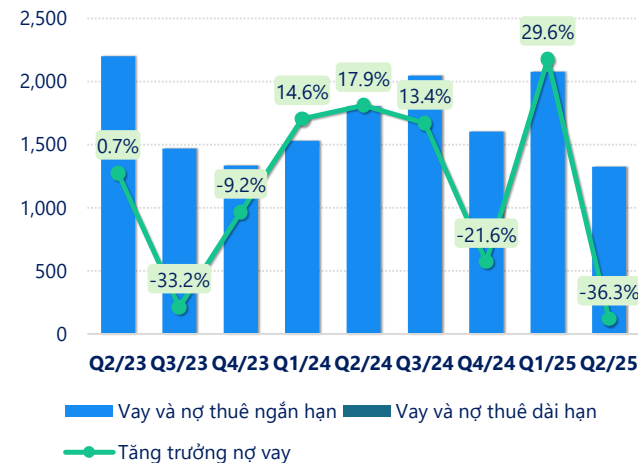
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

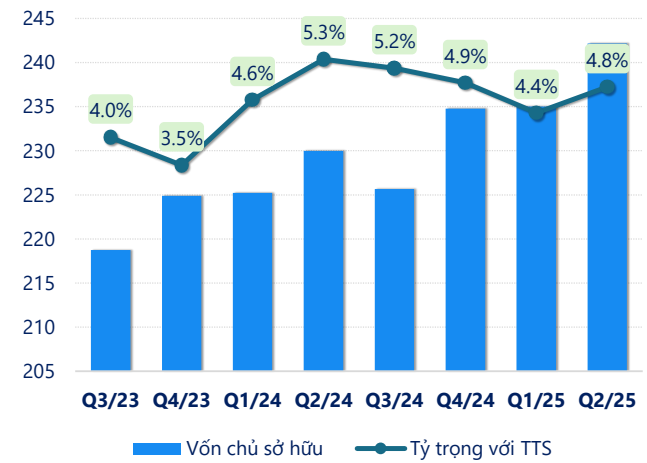
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

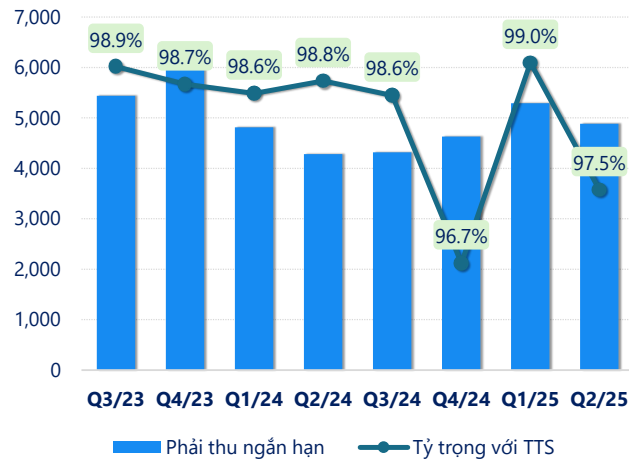
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



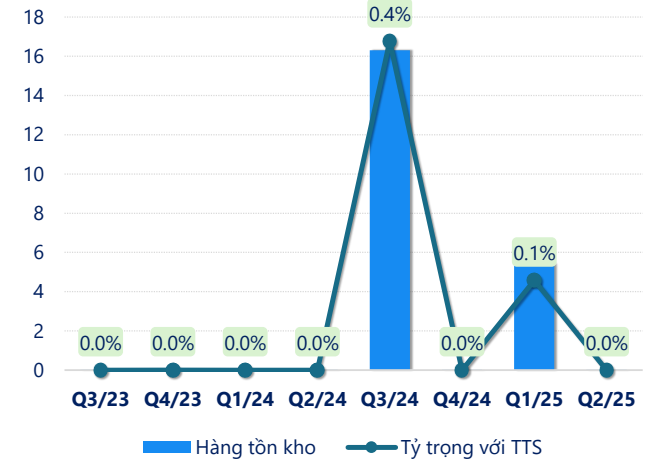
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


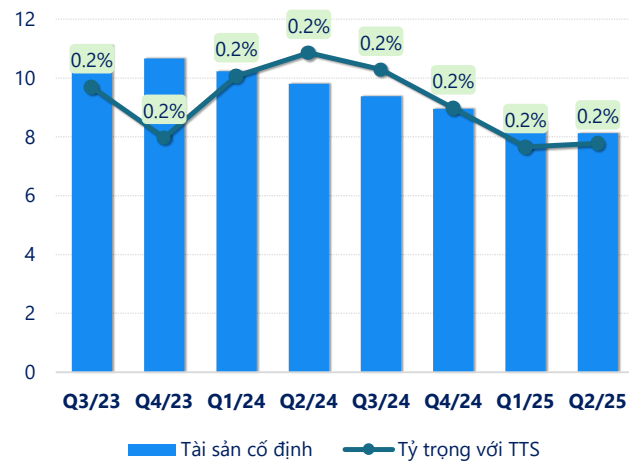
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


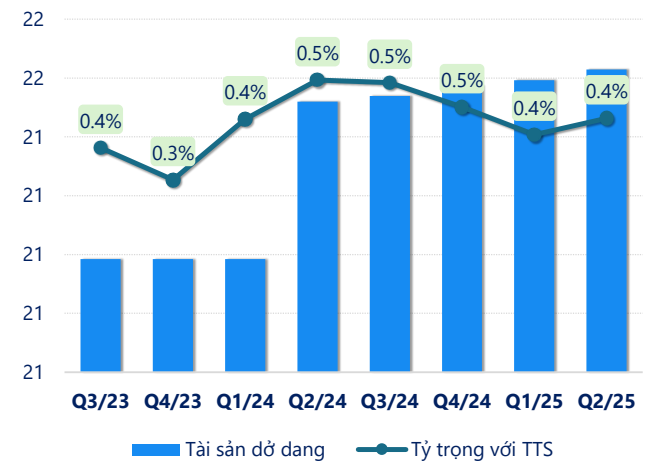
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

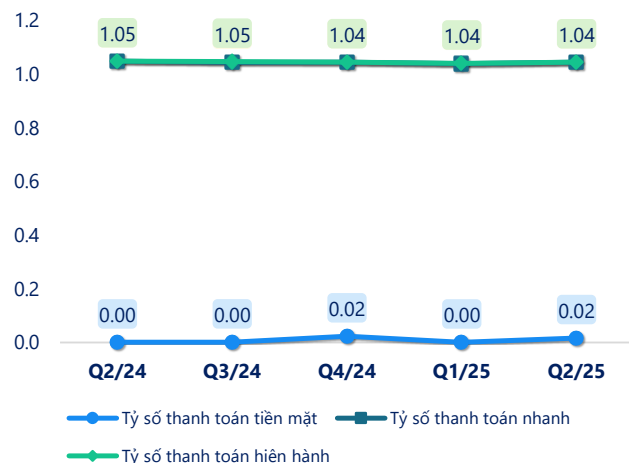
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	4,334	4,377	4,787	5,346	5,010
Tài sản ngắn hạn	4,303	4,346	4,757	5,316	4,980
Tiền và tương đương tiền	2.97	3.99	107	3.20	80.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.6	9.00	13.7	13.7	10.5
Phải thu ngắn hạn	4,281	4,316	4,630	5,292	4,886
Hàng tồn kho	0.00	16.3	0.00	5.43	0.00
Tài sản ngắn hạn khác	1.18	0.54	6.42	1.94	2.05
Tài sản dài hạn	31.3	30.9	30.5	30.1	29.8
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	9.80	9.38	8.95	8.53	8.12
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	21.5	21.5	21.6	21.6	21.6
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	4,104	4,151	4,553	5,111	4,768
Nợ ngắn hạn	4,104	4,151	4,553	5,111	4,768
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,804	2,046	1,603	2,078	1,325
Phải trả người bán ngắn hạn	2,011	1,792	2,525	2,500	2,979
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	230	226	235	235	242
Vốn chủ sở hữu	230	226	235	235	242
Vốn điều lệ	82.1	82.1	82.1	82.1	82.1
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)